

Số: 43/BC7N-CCTTBVTV

Gia Lai, ngày tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 17/10/2024 đến ngày 23/10/2024)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

- Nhiệt độ: Trung bình từ 23 - 25⁰C; cao nhất 27⁰C-30⁰C, thấp nhất: 19⁰C-21⁰C
- Độ ẩm: Trung bình: 79-84 %; cao nhất: 88-93%, thấp nhất: 70-75 %
- Thời tiết tỉnh Gia Lai có mưa, mưa rào nhiều nơi, lượng mưa không nhiều; nắng gián đoạn trong ngày, nhìn chung thời tiết thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

Vụ	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Vụ Mùa 2024	Sớm	Thu hoạch	7.750	17.631,7
	Đại trà	Chín-thu hoạch	26.298,6	
	Muộn	Trỗ - chín	6.979	
	Tổng cộng		41.027,6	

b) Cây trồng khác

Nhóm/ loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)	D. tích T. hoạch (ha)
- Nhóm cây lương thực		34.453,5	
Cây Ngô	Cây con, trỗ cờ - ph. râu	34.453,5	
- Nhóm cây tinh bột		80.359,3	654
+ Cây sắn (Vụ Đx)	Phát triển củ- thu hoạch	10.581,4	
+ Cây sắn (TM vụ Mùa)	Phát triển củ	66.701,9	
+ Cây Khoai lang	Phát triển củ-thu hoạch	3.076,0	654
- Nhóm cây rau, dưa; đậu các loại		37.142,9	19.778,3
+ Cây Rau, dưa các loại	Các giai đoạn	20.075,6	8.859,8
+ Đậu các loại	Thu hoạch	17.067,3	10.918,5

- Nhóm cây CNNN		6.054,6	
+ Cây mía (TM)	V. lóng, tích lũy đường	1.598,0	
+ Mè	Cây con-ra hoa	2.417,0	2.297,5
+ Cây lạc	Quả-thu hoạch	2.039,6	599
- Cây hàng năm khác		7.602,8	
- Nhóm cây CNDN		237.804	
+ Cây Cà phê	Chăm sóc, quả non	106.400 (TM+TC: 2.308; KTCB: 9.819; KD: 94.273)	
+ Cây Tiêu	Chăm sóc	7.808 (TM+TC: 163; KTCB: 968, KD: 6.677)	
+ Cây Điều	Chăm sóc	39.336 (TM +TC: 69; KTCB:4.803; KD: 34.463)	
+ Cây Cao su	Chăm sóc	83.752 (TM+TC: 2.672; KTCB: : 28.313; KD: 52.767)	
+ Cây Chè	Chăm sóc	508 (KD)	
- Nhóm cây ăn quả		33.250	
+ Cây Sầu riêng	Chăm sóc	6.387,3	
+ Cây chanh leo	Các giai đoạn	5.452,1	
+ Cây chuối	Chăm sóc-thu hoạch	7.275,5	
+ Cây trồng khác		15.023,3	

II. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

TT	Tên SVGH	Mật độ (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Cây lúa: Làm đòng, trổ, chín, thu hoạch					
1	Bệnh đạo cổ bông	0,5	4		C1-C3	Krông Pa, An Khê
2	Bệnh đạo ôn lá	2,2	10,5		C3-C5	Ia Grai, Chư Păh, Kbang và T.p Pleiku
3	Bệnh khô vằn	1	27		C1-C3	Mang Yang, Ia Grai, Chư Păh, T.p Pleiku
4	Rầy nâu	4	20		TT	Chư Pưh, T.p Pleiku
5	Sâu đục thân (Bông bạc)	2,0	6		C1-C3	An Khê, Krông Pa
II	Cây Rau: Các giai đoạn					
1	Ruồi đục quả (họ bầu bí)	10	30		C3-C5	Pleiku, An Khê
2	Sâu tơ (họ thập tự)	4,0	15		C1-C3	Đăk Pơ, Pleiku
3	Bệnh thán thư (cây ớt)	4,0	8		C1-C3	Đăk Pơ, An Khê

III	Cây Mía: Vươn lóng, tích lũy đường					
-	Xén tóc	1,0	10		C1-C2	Kbang, Đăk Pơ, Phú Thiện, An Khê,...
-	Bọ hung	1	2		C1-C2	Đăk Pơ, An Khê,
-	Sâu đục thân	1	15		C1-C2	Đăk Pơ, Kbang, Krông Pa.
-	Trắng lá mía	1	30		C3-C5	Ayun Pa, Krông Pa, Đăk Pơ
IV	Cây Sắn: Phát triển thân, củ; thu hoạch					
	Khảm lá virus	1	26,7		C3-C5	Krông Pa, Ia Pa, Ayun Pa, Chư Păh, Chư Prông
V	Nhóm cây CNDN					
1	Cà phê: Chăm sóc, nuôi quả					
-	Rệp sáp	3,5	50		C1-C2	Kbang, Ia Grai, Pleiku
-	Bệnh khô cành	1,67	25		C1-C2	Mang Yang, Ia Grai, Chư Prông, Chư Păh, Đúc Cơ, Đak Đoa, Tp. Pleiku
-	Bệnh gỉ sắt	6,2	35		C3-C5	Chư Păh, Mang Yang, Ia Grai...
2	Cây Tiêu: Chăm sóc, quả non					
-	Bệnh chết chậm	2	30,1		C1-C1	Chư Prông, Mang Yang, Đak Đoa, Tp. Pleiku...
-	Tuyến trùng	6	29,6		C1-C2	Chư Prông, Mang Yang, Đak Đoa, Tp. Pleiku...
3	Cây Điều: Chăm sóc					
-	Bọ xít muỗi	2	18,4		C1-C3	Ia Grai, Đúc Cơ, Kông Chro, Krông Pa, Phú Thiện
-	Sâu đục thân, cành	2	30		C1-C3	Ia Grai, Đúc Cơ.
VI	Cây ăn quả					
1	Cây sầu riêng: Chăm sóc					
-	Bệnh cháy lá, chết đọt	3	20		C3-C5	Đak Đoa, Chư Prông
-	Bệnh thối gốc	1	10		C1-C2	Đúc Cơ
2	Cây chanh leo: Chăm sóc, thu hoạch					
-	Bệnh virus	5,8	16,5		C1-C3	Chư Prông
-	Ruồi đục quả	5	17,6		C3-C5	Chư Prông, Đak Đoa

2. Diện tích nhiễm sinh vật gây hại chủ yếu

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Cây lúa: Làm đòng, trổ, chín, thu hoạch							

1	Bệnh đạo ôn lá	80,5	4			84,5	72	Kbang, Ia Grai, Pleiku, Chư Păh
	Bệnh đạo ôn cổ bông	17,5	0			17,5		Krông Pa
2	Bệnh khô vằn	154	6			160	6.5	Mang Yang, Chư Păh, Ia Grai
3	Sâu đục thân (Bông bạc)	17				17		An Khê
II	Cây Rau: Các giai đoạn							
1	Ruồi đục quả (họ bầu bí)	12				12	7	Pleiku, An Khê
2	Sâu tơ (họ thập tự)	108	45			153		Đăk Pơ, Pleiku
3	Bệnh thán thư (cây ớt)	88,7	40			128,7		Đăk Pơ, An Khê
III	Cây Mía: Đẻ nhánh, vuron lóng							
-	Xén tóc	100	18			118	30	Phú Thiện, Kbang, Đăk Pơ, An Khê
-	Bọ hung	28				28		Đăk Pơ, An Khê
-	Sâu đục thân	80,8	2			82,8		Đăk Pơ, Kbang, Krông Pa.
-	Trắng lá mía	12				12		Ayun Pa, Krông Pa
IV	Cây Sắn: Phát triển thân, lá, củ; thu hoạch							
	Khảm lá virus	1.326	287	39		1.652		Krông Pa, Ia Pa, Phú Thiện, Ayun Pa, Chư Prông, Chư Păh
V	Nhóm cây CNDN							
1	Cà phê: Chăm sóc, nuôi quả							
-	Rệp sáp	615,5	20			635,5		Kbang, Ia Grai, Pleiku
-	Bệnh khô cành	1.352,3	238,5			1.590,8	33	Mang Yang, Ia Grai, Đức cơ...
-	Bệnh gỉ sắt	1.527,3	109,6			1.639,9		Chư Prông, Đak Đoa, Đức Cơ...
2	Cây Tiêu: Chăm sóc, quả non							
-	Bệnh chết chậm	214	131,3	92,3		437	171	Chư Prông, Mang Yang, Đak Đoa, Tp. Pleiku...
-	Tuyến trùng	355	378,6	171		904		Chư Prông, Đak Đoa, Mang Yang, Chư Puh...
3	Cây Điều: Chăm sóc							
-	Bọ xít muỗi	300,3	48,6			348,9		Ia Grai, Đức cơ...
-	Sâu đục thân, cành	322	176,5			498,5	175	Đức Cơ, Ia Grai
VI	Cây ăn quả							

1	Cây sàu riêng: Chăm sóc, thu hoạch							
-	Bệnh cháy lá, chết đọt	10				10	1	Chư Prông, Đak Đoa
-	Bệnh thối gốc	5				5		Đức Cơ
2	Cây chanh leo: Chăm sóc, thu hoạch							
-	Bệnh virus	5				5		Chư Prông
-	Ruồi đục quả	17				17		Chư Prông, Đak Đoa

3. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

3.1. Trên cây lúa vụ Mùa 2024

- Bệnh đạo ôn lá gây hại với tỷ lệ bệnh (TLB) 2,2-10,5%, diện tích nhiễm (DTN) 84,5 ha (nhẹ 80,5 ha, trung bình 04 ha), giảm 39 ha so với kỳ trước, gây hại tại huyện Kbang, Ia Grai, thành phố Pleiku, Chư Păh; bệnh đạo ôn cổ bông TLB 0,5-4%, diện tích nhiễm (DTN) 17,5 ha (nhẹ).

- Bệnh khô vằn gây hại với TLB 1-27%, DTN 160 ha (nhẹ 154 ha, trung bình 06 ha), tương đương so với kỳ trước, gây hại tại huyện Mang Yang, Chư Păh, Ia Grai.

- Sâu đục thân (bông bạc) gây hại với TLH 2-6%, DTN 17 ha (nhẹ), tương đương so với kỳ trước, gây hại tại thị xã An Khê.

- Các đối tượng sinh vật hại khác gây hại rải rác.

3.2. Trên cây rau: Sâu tơ (*họ thập tự*), bệnh phấn trắng (*họ bầu bí*), bệnh thán thư (*cây ớt*) gây hại tương đương so với kỳ trước.

3.3. Cây mía:

- Xén tóc gây hại với TLH 1-10%, DTN 118 ha (nhẹ 100 ha, trung bình 18 ha) tương đương so với kỳ trước, gây hại tại các huyện Phú Thiện, Kbang, Đăk Pơ, An Khê.

- Bọ hung gây hại với TLH 1-2 con/m², DTN 28,0 ha (nhẹ), tương đương so với kỳ trước, gây hại cục bộ tại thị xã An Khê và huyện Đăk Pơ.

- Sâu đục thân gây hại với TLH 1-15%, DTN 82,8 ha (nhẹ 80,8 ha, trung bình 2 ha), tương đương so với kỳ trước, gây hại tại huyện Đăk Pơ, Kbang, Krông Pa.

- Bệnh trắng lá mía gây hại với TLB 1-30%, DTN 12 ha (nhẹ), tương đương so với kỳ trước, gây hại tại thị xã Ayun Pa và huyện Krông Pa.

3.4. Cây sắn:

Bệnh khảm lá virus gây TLB 1-26,7%, DTN 1.652 ha (nhẹ 1.326 ha, trung bình 287 ha, nặng 39 ha), giảm 3.222 ha so với cùng kỳ năm trước. Diện tích nhiễm khảm lá sắn gây hại tại huyện Krông Pa 1.323,5 ha, Ia Pa 147 ha, thị xã Ayun Pa 75,5 ha, Phú Thiện 61 ha, Chư Păh 40 ha và huyện Chư Prông 05 ha.

3.5. Trên cây công nghiệp dài ngày

- Cây cà phê:

+ Rệp sáp gây hại với TLH 3,5-50%, DTN 635,5 ha (nhẹ 615,5 ha, trung bình 20 ha), tương đương so với kỳ trước, gây hại tại huyện Kbang, Ia Grai, Pleiku.

+ Bệnh khô cành gây hại với TLB 1,67-25%, DTN 1.590,8 ha (nhẹ 1.352,3 ha, trung bình 238,5 ha), giảm 33 so với kỳ trước, gây hại tại các huyện Mang Yang, Ia Grai, Đức cơ.

+ Bệnh gỉ sắt gây hại với TLB 6,2-35%, DTN 1.639,9 ha (nhẹ 1.527,3 ha, trung bình 109,6 ha), tăng 4,4 ha so với kỳ trước, gây hại tại huyện Chư Prông, Đak Đoa, Đúc cơ...

+ Các đối tượng sinh vật khác (đốm mắt cua, mọt đục quả, bệnh đen hạt, nấm hồng...) gây hại rải rác.

- Cây tiêu:

+ Bệnh vàng lá chết chậm gây hại với TLB 2-30,1%, DTN 437 (nhẹ 214 ha, trung bình 131,3 ha, nặng 92,3 ha), giảm 160 ha so với kỳ trước, gây hại tại các huyện Chư Prông, Đak Đoa và thành phố Pleiku.

+ Bệnh tuyến trùng gây hại với TLB 6-29,6%, DTN 904 ha (nhẹ 355 ha, trung bình 378,6 ha, nặng 171 ha), giảm 151 ha so với kỳ trước, gây hại tại huyện Chư Prông, Đak Đoa, Mang Yang, Chư Puh ...

- Cây điều:

+ Bộ xít muỗi gây hại với TLH 2-18,4%, DTN 348,9 ha (nhẹ 300,3 ha, trung bình 48,6 ha), giảm 20,9 ha so với kỳ trước, gây hại tại các huyện Ia Grai, Đúc Cơ, Kông Chro...

+ Sâu đục thân, cành gây hại với TLH 2-30%, DTN 498,5 ha (nhẹ 322 ha, trung bình 176,5 ha), tăng 27,7 ha so với kỳ trước, gây hại tại Đúc Cơ, Ia Grai.

3.6. Trên cây ăn quả

- Cây sầu riêng:

+ Bệnh cháy lá, chết đọt gây hại với TLB 3-20%, DTN 10 ha (nhẹ), giảm nhẹ 01 ha so với kỳ trước, gây hại tại huyện Chư Prông, Đak Đoa.

+ Bệnh thối gốc gây hại với TLB 1-10%, DTN 05 ha (nhẹ), tương đương so với kỳ trước, gây hại tại huyện Đúc Cơ; một số sâu bệnh hại khác gây hại rải rác.

- Cây chanh leo:

+ Bệnh virus gây hại với TLH 5,8-16,5%, DTN 05 ha (nhẹ), tương đương so với kỳ trước, gây hại tại huyện Chư Prông.

+ Ruồi đục quả gây hại với TLH 5-17,6% DTN 17 ha (nhẹ), tăng 04 ha so với kỳ trước, gây hại tại huyện Chư Prông, Đak Đoa.

3.7. Cây trồng khác: Sâu bệnh gây hại rải rác; diện tích nhỏ và mật độ gây hại thấp.

III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

- Trên cây lúa vụ Mùa 2024: Trên lúa trà chính vụ và trà muộn: Bệnh khô vằn, bệnh đạo ôn cổ bông tiếp tục gây hại, rầy nâu xuất hiện gây hại cục bộ trên trà muộn.

- Trên cây rau: Bộ nhảy có chiều hướng gia tăng trên rau họ hoa thập tự; bệnh phấn trắng, xuất hiện gây hại cục bộ trên họ bầu bí; bệnh mốc sương, héo rũ gây hại rải rác trên họ cà.

- Trên cây mía: Bộ hung, xén tóc, sâu đục thân tiếp tục gây hại trên diện tích đã bị nhiễm.

- Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus hại sắn tiếp tục gây hại.

- Trên cây cà phê: Bệnh gỉ sắt có chiều hướng gia tăng.

- Trên cây tiêu: Bệnh héo chết nhanh, vàng lá chết chậm, tuyến trùng hại rễ trong thời gian tới tăng.

- Trên cây điều: Bọ xít muỗi, sâu đục thân cành gây hại cục bộ.
- Trên cây ăn quả:
 - + Cây sầu riêng: Bệnh nứt thân xì mũ gây hại rải rác trên diện tích kiến thiết cơ bản. Rệp xo bông trắng gây hại cục bộ.
 - + Trên cây chanh dây: Rệp muội, nhện đỏ có thể phát triển trong thời gian tới.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

Tiếp tục triển khai thực hiện các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn: Văn bản số 1354/SNNPTNT-CCTTBVTV ngày 19/4/2024 về việc tăng cường công tác phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng trong vụ Mùa và cả năm 2024; Văn bản số 3762/SNNPTNT-CCTTBVTV ngày 04/10/2024 về việc tập trung chỉ đạo phát triển bền vững cây sắn và tăng cường liên kết tiêu thụ giữa nhà máy với người dân trồng sắn trên địa bàn và hướng dẫn của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tại Văn bản số 850/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 02/10/2024 về việc tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng; Văn bản số 889/CCTTBVTV&KDTV ngày 15/10/2024 về việc tăng cường phòng trừ bệnh khảm lá virus hại sắn trên địa bàn tỉnh; Văn bản 904/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 18/10/2024 Văn bản hướng dẫn cách nhận biết và biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cây chanh dây trên địa bàn tỉnh .

- Trên cây lúa vụ Mùa 2024: Thường xuyên theo dõi diễn biến của một số đối tượng sâu bệnh có thể phát sinh gây hại trà lúa muộn như: Rầy nâu, sâu đục thân, bệnh khô vằn, bệnh đạo ôn cổ bông. Sử dụng các hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật để phòng trừ:

- + Đối với sâu đục thân, rầy nâu: Sử dụng hoạt chất *Carbosulfan* với các loại thuốc có tên thương mại Marshal 200SC, Sulfaron 250EC...

- + Đối với bệnh khô vằn: Sử dụng hoạt chất *Validamycin* với các loại thuốc có tên thương mại Vacin 5SL, Validacin 5SL...

- + Đối với bệnh đạo ôn: Sử dụng hoạt chất *Tricyclazole* với các loại thuốc có tên thương mại Centerdorter 850WP, Grinusa 860WP...

- Trên cây rau các loại: Tiếp tục hướng dẫn người dân ứng dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp IPHM và sản xuất rau theo quy trình rau an toàn, quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, quy trình sản xuất rau hữu cơ; ưu tiên sử dụng thuốc trừ sâu có nguồn gốc thảo mộc, sinh học, chỉ sử dụng thuốc trong danh mục cho rau và đảm bảo đúng thời gian cách ly theo hướng dẫn trên bao bì.

- Trên cây mía:

- + Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phát hiện và kịp thời tổ chức tiêu hủy nguồn bệnh trắng lá mía trên đồng ruộng.

- + Đối với xén tóc: Thường xuyên kiểm tra trên các diện tích đã bị nhiễm xén tóc, những ruộng mía có mật độ trên 02 con/gốc tiến hành xử lý ngay bằng thuốc sinh học có gốc *Metarhizium*, tiến hành cày rãnh sau đó rải thuốc và lấp đất lại; liều lượng dùng 3-4 kg/ha. Dùng bẫy đèn để bắt con trưởng thành khi vũ hóa, khi có những đợt mưa lớn.

- + Đối với những ruộng mía đang bị bọ hung gây hại: Làm cỏ, vệ sinh đồng ruộng, thu dọn tàn dư cây mía (gốc, lá già) đem tiêu hủy. Dùng một trong các loại thuốc trừ bọ hung có hoạt chất như *Emamectin benzoate*, *Chlorpyrifos methyl*... bón vào hai bên gốc mía, sau đó vun

thành luống. Có thể sử dụng biện pháp thủ công tập trung bắt bọ hung non và trưởng thành đem tiêu hủy, đây là biện pháp mang lại hiệu quả phòng trừ cao, hạn chế ô nhiễm môi trường.

+ Đối với những ruộng mía bị sâu đục thân gây hại: Rãi hoặc phun cục bộ những đoạn mía bị hại hoặc có triệu chứng sâu mới xâm nhập (héo lá bên, lốm đốm trắng do sâu đục thân 4 vạch) bằng các loại thuốc như *Padan 95SP*, *Supertar 950SP*, *Sago-Super 3GR*... pha theo khuyến cáo của nhà sản xuất để phòng trừ.

- Trên cây sắn:

+ Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: Văn bản số 622/TT-CLT ngày 29/5/2019 của Cục Trồng trọt về ban hành Quy trình canh tác sắn, quy trình sản xuất giống sắn sạch bệnh khảm lá và quy trình tự sản xuất giống sắn sạch bệnh khảm lá; Văn bản số 1772/BVTV-TV ngày 08/8/2024 của Cục Bảo vệ thực vật về ban hành Quy trình kỹ thuật quản lý tổng hợp bệnh khảm lá sắn (nội dung Quy trình được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Gia Lai; địa chỉ: <https://ccttbvtv.gialai.gov.vn/quy-trinh-ky-thuat-quan-ly-tong-hop-benh-kham-la-san/>)

+ Sử dụng nguồn giống sắn sạch bệnh, giống sắn ít bị nhiễm bệnh như KM94, giống kháng bệnh; hạn chế việc trao đổi, mua bán giống không rõ nguồn gốc, giống bị nhiễm bệnh nặng như HL-S11. Khuyến cáo người dân trồng giống sắn HN5, là giống sắn có năng suất cao, kháng bệnh khảm lá virus (*giống HN5 đã được Viện Di truyền Nông nghiệp công bố lưu hành tại các tỉnh Tây Nguyên từ ngày 23/11/2023*).

- Trên cây cà phê: Hướng dẫn nông dân cắt cành, tạo tán, tạo độ thông thoáng cho cây, thu gom những cành bị sâu bệnh ra khỏi vườn để tiêu hủy; làm cỏ sạch sẽ nhằm giảm thiểu cạnh tranh dinh dưỡng, thuận lợi cho việc thu hái và thu lượm quả rơi vãi sau thu hoạch; củng cố hàng cây chắn gió nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng của gió đến quá trình ra hoa, đậu quả niên vụ năm sau.

- Trên cây tiêu:

+ Thường xuyên kiểm tra vườn, cắt tỉa cây che bóng tạo độ thông thoáng cho vườn cây hạn chế hạn chế sâu bệnh gây hại.

+ Sử dụng chế phẩm sinh học có chứa các hỗn hợp của nấm đối kháng như *Trichoderma*, xạ khuẩn *Streptomyces*, vi khuẩn *Bacillus*, các vi sinh vật có ích khác và thảo mộc trừ tuyến trùng chứa các hoạt chất Saponin, ankanoid, nấm ký sinh côn trùng *Metarhizium* với phân vi sinh, phân hữu cơ hoại mục để phòng trừ nấm và tuyến trùng gây bệnh trong đất.

+ Đối với bệnh héo chết nhanh: Khi phát hiện cây hồ tiêu có dấu hiệu bệnh, dùng các loại thuốc có hoạt chất như *Fosetyl Aluminium*, *Metalaxyl*... pha theo nồng độ và liều lượng khuyến cáo, phun quanh gốc và toàn bộ tán lá. Xử lý 2 - 3 lần, mỗi lần cách nhau 12- 15 ngày. Đối với những trụ hồ tiêu đã bị chết, thu gom đưa ra khỏi vườn tiêu hủy và xử lý đất bằng vôi bột từ 0,5 - 1 kg/trụ, phơi ải.

+ Đối với bệnh chết chậm: Có thể sử dụng thuốc có hoạt chất *Metalaxyl*, *Mancozeb*... xử lý 01 hoặc 02 lần, mỗi lần cách nhau 7-10 ngày bằng phương pháp tưới hoặc sục gốc

- Trên cây điều: Tăng cường kiểm tra đồng ruộng nếu thấy bọ xít muỗi xuất hiện và gây hại tiến hành sử dụng các hoạt chất như *Citrus oil*, *Permethrin* để phòng trừ, Văn bản số 453/BVTV-QLSVGHR ngày 15/3/2017 của Cục Bảo vệ thực vật về việc ban hành Quy trình kỹ thuật quản lý bọ xít muỗi và bệnh thán thư gây hại trên cây điều.

- Trên các loại cây ăn quả:

+ Cây chanh dây: Thường xuyên thăm vườn, theo dõi tình hình sinh vật gây hại để có biện pháp xử lý kịp thời.

Đối với nhóm bệnh hại do nấm (*bệnh đốm nâu, thối thân thối quả, bệnh thối gốc - phình thân, bệnh thán thư*): Khi bệnh mới chớm xuất hiện, sử dụng luân phiên thuốc có các hoạt chất như *Tebuconazole, Propineb, Metalaxyl, Dimethomorph, Difenconazole, Azoxystrobin, Chlorothalonil, Fosetyl Aluminium, Hexaconazole...* để phòng trừ.

Đối với nhóm bệnh virus và côn trùng môi giới (*rệp muội, bọ phấn, bọ trĩ*): Treo bẫy dính vàng để dự tính dự báo sớm sự xuất hiện của các môi giới truyền virus, thường xuyên kiểm tra vườn để phòng trừ kịp thời. Phun phòng trừ các môi giới truyền virus như rầy, rệp, bọ phấn và côn trùng khác bằng thuốc có chứa các hoạt chất: *Spirotetramat, Abamectin, Emamectin benzoate, Matrine...*

+ Cây sầu riêng: Bệnh xì mù chảy nhựa thân (*do nấm Phytophthora sp gây ra*) khi phát hiện bệnh gây hại trên thân, cành dùng dao cạo bỏ hết phần vỏ bị thối, sử dụng hỗn hợp thuốc có hoạt chất *Fosetyl-aluminium 25g/10 lít nước + Metalaxy 25g/10 lít nước* dùng cọ bôi lên vết bệnh nhiều lần đến khi vết bệnh khô hẳn; pha 40ml thuốc *Phosphorous acid* và 20g *Fosetyl-aluminium* vào bình 10 lít để tưới ướt gốc và toàn bộ vùng rễ; có thể phun *Phosphorous acid* pha 40ml/bình 10 lít nước, phun ướt đều thân, các tầng tán của cây để phòng trừ.

Đề nghị Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố phối hợp UBND cấp xã thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình sinh vật gây hại; đồng thời hỗ trợ phòng chống sinh vật gây hại hiệu quả, ngăn chặn kịp thời, tránh để lây lan. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc báo cáo về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Cục Trồng trọt (b/c);
- Cục Bảo vệ thực vật (b/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Trung tâm BVTV Miền Trung (b/c);
- Chi cục trưởng (b/c);
- Các Phó Chi cục trưởng;
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố;
- Trang Thông tin điện tử Chi cục;
- Lưu: VT, BVTV & KDTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Ngô Duy Đông

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ
(Từ ngày 17/10/2024 đến ngày 23/10/2024)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Cây lúa									
1	Bệnh đạo ôn lá	80,5	4			84,5	-39	-39	7,2	Kbang, Ia Grai, Pleiku, Chư Păh
2	Bệnh đạo ôn cổ bông	17,5	0			17,5				Krông Pa, An Khê
3	Bệnh khô vằn	154	6			160	1	4		Mang Yang, Ia Grai, Chư Păh, Pleiku
4	Sâu đục thân (Bông bạc)	17				17	0	+17		An Khê, Krông Pa
II	Cây Cà phê									
1	Rệp sáp	615,5	20			635,5	0	-1.443	99	Kbang, Ia Grai, Pleiku
2	Bệnh khô cành	1.352,3	238,5			1.590,8	- 33	-1.741,4		Mang Yang, Ia Grai, Đức cơ...
3	Bệnh gỉ sắt	1.527,3	109,6			1.639,9	+ 4,4	-1.317,8		Chư Prông, Đak Đoa, Đức Cơ...
III	Cây Tiêu									
	Bệnh chết chậm	214	131,3	92,3		437	-160	-32,6	151	Chư Prông, Đak Đoa, Tp. Pleiku...
IV	Cây Sắn									
	Khảm lá virus	1.326	287	39		1.652	0	-3.222		Krông Pa, Ia Pa, Phú Thiện, Ayun Pa, Chư Prông, Chư Păh